

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/02/2025

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Việt

Bà Nguyễn Thị Kim Loan

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hà Văn Tuấn là Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Tổ I, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Trần Hoa P**, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Tổ D, ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - ông Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Qua một thời gian quen biết, tìm hiểu, yêu thương nhau và trên cơ sở tự nguyện, ông Nguyễn Văn T và bà Trần Hoa P đã tiến đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 108 ngày 10/10/2002.

Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2022 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ

chồng bắt đồng quan điểm sống, bà P hay đánh bài dẫn đến nợ nần, nhiều lần chủ nợ đến nhà đòi nợ nhưng ông T không đồng ý trả nợ vì đây là nợ riêng do bà P gây ra. Do bà P thích đánh bài nên bà thường đi qua đêm không về nhà, ông T không đồng ý với việc làm của bà P nên nhiều lần góp ý thì bà P trả lời là chỉ đánh bài cho vui cùng với bạn bè mà thôi. Nhiều lần bà P cũng bị công an xã tìm đến nhưng bà P đều tìm cách trốn được. Từ sự việc trên mà hai vợ chồng thường xuyên gây gổ, đời sống chung không còn được hạnh phúc. Đến tháng 3 năm 2024, ông T và bà P sống ly thân cho đến ngày hôm nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng cũng không gặp nhau bàn bạc để đoàn tụ. Hiện nay theo ông T được biết bà P đang thuê nhà trọ tại xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai sống riêng. Tại Tòa án ông T xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà P, khả năng hàn gắn đoàn tụ không có, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông T và bà P được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 03 con chung:

+ Cháu Nguyễn Ngọc Thy T1, sinh ngày: 02/8/1996.

+ Cháu Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày: 22/10/1999.

+ Cháu Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày: 02/9/2004.

Hiện nay các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên ông T không tranh chấp về con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai đề ngày 10 tháng 01 năm 2025, bị đơn - bà Trần Hoa P trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Trần Hoa P và ông Nguyễn Văn T quen biết nhau khoảng gần một năm thì tiến tới kết hôn, ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 108 ngày 10/10/2002, đây là hôn nhân lần thứ hai của bà P. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn, đến năm 2023 thì bà P phát hiện ông T có qua lại tình cảm với người phụ nữ khác nhưng bà không có bằng chứng. Sau khi phát hiện sự việc dẫn đến hai vợ chồng lời qua tiếng lại và cũng từ đó hai vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn. Đến khoảng tháng 2 năm 2024 bà P và các con ra ngoài thuê nhà trọ để sinh sống, từ khi ra ở riêng thì hai vợ chồng cũng không có liên lạc và không còn quan tâm, hỏi thăm đến nhau nữa. Nay ông T nộp đơn ly hôn tại Tòa thì bà P đồng ý ly hôn bởi vì bà P xác định tình cảm vợ chồng đã không còn. Tuy nhiên, bà P có yêu cầu ông T phải để lại căn nhà tại ấp H, xã H cho các con về nhà để sinh sống chung.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 03 con chung:

+ Cháu Nguyễn Ngọc Thy T1, sinh ngày: 02/8/1996.

+ Cháu Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày: 22/10/1999.

+ Cháu Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày: 02/9/2004.

Các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên bà P không tranh chấp về con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Trần Hoa P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Hoa P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa. Tuy nhiên, cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Nguyễn Văn T và bà Trần Hoa P được ly hôn.

+ Về con chung: Con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn - ông Nguyễn Văn T có yêu cầu ly hôn với bị đơn - bà Trần Hoa P. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định bà P hiện đang sinh sống tại địa chỉ Tổ D, ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa (Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt). Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Hoa P tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 108 ngày 10/10/2002. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của ông T và bà P là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Qua trình bày của các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy sau khi kết hôn một thời gian, cuộc sống chung của vợ chồng ông T và bà P đã xảy ra mâu thuẫn. Trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà đã thiếu sự tin tưởng, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa. Theo ông T cho rằng nguyên nhân chủ yếu là do bà P chưa làm đúng trách nhiệm của một người vợ trong gia đình, bà P hay đi chơi cùng bạn bè bên ngoài, ít quan tâm đến ông T nên dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên khoảng một năm nay hai vợ chồng đã sống ly thân. Trong thời gian hai vợ chồng sống ly thân, ông bà cũng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau và cũng không hỏi thăm nhau nữa. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ gia đình nhưng bà P không có thiện chí hàn gắn tình cảm với ông T và bà cũng đồng ý ly hôn.

Theo biên bản xác minh ngày 02/01/2025, địa phương cho biết: “ ... *Hiện nay ông T và bà P đang sống ly thân, không sống chung cùng nhau ...* ”

Xét mâu thuẫn giữa ông T và bà P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:* Ông T và bà P có ba con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thy T1, sinh ngày: 02/8/1996; cháu Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày: 22/10/1999; cháu Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày: 02/9/2004. Hiện nay các con chung của ông T, bà P đều đã thành niên và có khả năng lao động nên các đương sự không tranh chấp về con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Ông T và bà P đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] **Về án phí:** Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] **Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất:** Về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo:** Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 51, 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn T.

1. *Về hôn nhân:* Xử cho ông Nguyễn Văn T và bà Trần Hoa P được ly hôn.

2. *Về con chung:* Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Hoa P có ba con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thy T1, sinh ngày: 02/8/1996; cháu Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày: 22/10/1999; cháu Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày: 02/9/2004. Hiện nay các con chung của ông T, bà P đều đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0008263 ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (GNCKH số 108/2002);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết Hạnh